

THÍCH ỨNG CỦA NGƯỜI DÂN TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG NHẪM BẢO VỆ, HƯỞNG LỢI TỪ DI SẢN VĂN HÓA VÀ THIÊN NHIÊN THẾ GIỚI TRẢNG AN, HOA LƯ, NINH BÌNH

ThS. Nguyễn Thị Huệ

Viện Nghiên cứu Văn hóa

Tác giả liên hệ: hue.nguyent@gmail.com

Ngày nhận: 13/10/2024

Ngày nhận bản sửa: 04/12/2024

Ngày duyệt đăng: 24/12/2024

Tóm tắt

Con người là yếu tố không thể thiếu trong việc hình thành và phát triển sản phẩm du lịch, đặc biệt là du lịch tâm linh. Vì vậy, việc quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có vai trò đặc biệt quan trọng. Đứng trước những đổi thay của địa phương và đặc biệt là đổi thay khi du lịch Tràng An phát triển quá nhanh, hoạt động kinh tế của cư dân buộc phải có những đổi sách thích ứng để có thể tồn tại và phát triển. Bước đầu có nhiều bỡ ngỡ, lúng túng nhưng nếu không thay đổi thì cuộc sống của họ sẽ đối mặt với vô vàn khó khăn, thậm chí tụt lùi phía sau rất xa so với xã hội. Thông qua hiện tượng "thích ứng" này để thấy việc quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại những điểm sáng phát triển du lịch thực sự là việc làm cần thiết và vô cùng quan trọng.

Từ khóa: Thích ứng, sinh kế, hộ nông dân.

The Adaptation of Local People in Community-Based Tourism Development to Protect and Benefit from the World Heritage Site of Trang An, Hoa Lu, Ninh Binh

MA. Nguyen Thi Hue

Institute of Cultural Studies

Corresponding Author: hue.nguyent@gmail.com

Abstract

People are an essential factor in the formation and development of tourism products, particularly in spiritual tourism. Therefore, managing, training, and developing human resources is crucial. In light of the local changes caused by the rapid development of Trang An tourism, individuals must adopt adaptive strategies to ensure their survival. Initially, many may experience surprises and challenges. However, if they do not change, their lives may become difficult, and they could fall behind society. This phenomenon of "adaptation" highlights the necessity and importance of effective management, training, and development of human resources in the context of tourism growth.

Keywords: Adaptation, livelihood, farmer households.

1. Đặt vấn đề

Khu Di sản, Quần thể danh thắng Tràng An nằm ở rìa phía Nam của đồng bằng châu thổ sông Hồng thuộc tỉnh Ninh Bình, có diện tích 6.226 ha và vùng đệm rộng 6.026 ha, trên địa bàn của các huyện: Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan và các thành phố Tam Điệp, Ninh Bình.

Danh hiệu Di sản của UNESCO đã thực sự đóng vai trò là hạt nhân, là trung tâm thúc đẩy phát triển du lịch trong toàn tỉnh, khẳng định được vị trí du lịch Ninh Bình trên thị trường du lịch trong nước và quốc tế. Hoạt động phát huy các giá trị di sản gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh trong Quần thể danh

thắng Tràng An được thực hiện khá tốt, thể hiện qua sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động sinh kế có liên quan đến dịch vụ du lịch, phát huy giá trị của di sản. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Di sản Tràng An còn đối mặt với nhiều thách thức để phát triển một cách bền vững, thành một điểm đến hấp dẫn của du lịch khu vực và quốc tế, đó là, việc giải quyết hài hòa giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế - xã hội.

Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển bền vững trong thời kỳ hội nhập, toàn cầu hoá và thách thức của biến đổi khí hậu cùng các vấn đề xã hội khác, tỉnh Ninh Bình luôn xác định quan điểm phát triển bền vững dựa trên nền tảng các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, nhất là, hệ thống di sản văn hóa và thiên nhiên, các danh hiệu UNESCO, tập trung xác định con người là trung tâm, là mục tiêu của phát triển bền vững, tăng cường sinh kế bền vững cho người dân trong vùng di sản. Đối với cộng đồng sống trong khu vực di sản, bên cạnh việc tạo điều kiện, khuyến khích cộng đồng vận dụng những kinh nghiệm, tri thức truyền thống mà họ tích lũy được trong việc bảo vệ, phát huy giá trị di sản, cần có cơ chế chia sẻ lợi ích với cộng đồng từ hoạt động bảo tồn di sản và phát triển du lịch bền vững, tạo điều kiện cho người dân tham gia vào các hoạt động bảo vệ di sản, bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ, phát triển đa dạng sinh học, tạo công ăn việc làm cho cộng đồng sống trong khu vực di sản.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Hiện nay, sự biến đổi văn hóa sinh kế chịu rất nhiều yếu tố tác động, dẫn đến sự biến đổi theo thời gian, trong đó có sự tác động của quá trình phát triển du lịch. Trong công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa tiếp biến văn hóa đối với phát triển du lịch quốc tế, tác giả Anh và Tâm (2013) đã phân tích và làm rõ nhận thức, phản ứng của giới trẻ đối với các yếu tố văn hóa do khách du lịch nước ngoài mang đến; tìm hiểu sự đánh giá của giới trẻ về biến đổi văn hóa truyền thống, đặc biệt là sự biến đổi về hành vi, ứng xử của bản thân họ trong bối cảnh phát triển du lịch quốc tế hiện nay. Vấn đề phát triển du lịch dựa vào cộng đồng và những tác động của du lịch tới

sự biến đổi và bảo tồn văn hóa địa phương đã thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu trong nước. Từ góc độ quản lý văn hóa, trong nghiên cứu “Văn hóa các tộc người thiểu số tỉnh Hòa Bình với việc phát triển du lịch văn hóa”, tác giả Thủy (2012) đã phân tích, tìm hiểu về giá trị, vai trò của văn hóa tộc người trong phát triển du lịch và đánh giá thực trạng hoạt động quản lý khai thác văn hóa tộc người trong phát triển du lịch, từ đó, đề xuất các giải pháp khai thác phát huy giá trị văn hóa tộc người trong phát triển du lịch. Tuy nhiên, vấn đề tác động của du lịch tới sự biến đổi các giá trị văn hóa tộc người hay văn hóa sinh kế của tộc người cũng chưa được đề cập trong đề tài này.

Tiếp cận biến đổi văn hóa địa phương hay biến đổi văn hóa của tộc người trước tác động của du lịch cộng đồng, Trang và nnk. (2019) trong công trình nghiên cứu “Du lịch dựa vào cộng đồng và sự biến đổi văn hóa địa phương: Trường hợp người Thái và người Mường ở Hòa Bình”, dựa trên quan điểm của tính hiện đại, toàn cầu hóa và phát triển đã cho rằng: Du lịch cộng đồng là quá trình hàng hóa hóa văn hóa địa phương để thu hút khách du lịch và tham gia hoạt động du lịch để tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống, “tích lũy tài sản” cá nhân; điều này đã tạo nên sự biến đổi trong nguyên tắc sống được định hình trong truyền thống lâu đời của người dân địa phương, làm thay đổi phương thức sinh kế...”. Nghiên cứu đã phân tích làm rõ sự biến đổi văn hóa địa phương trên các khía cạnh: (1) Sự biến đổi sinh kế do chính sách phát triển du lịch cộng đồng với hoạt động cơ bản là hàng hóa hóa văn hóa địa phương để thu hút khách du lịch; (2) Sự biến đổi mối quan hệ xã hội từ tác động của hoạt động kinh tế du lịch như: biến đổi trong quan hệ cộng đồng và quan hệ với thế giới bên ngoài - khách du lịch; biến đổi trong quan hệ giới với sự nổi lên vai trò quan trọng của những người phụ nữ trong hoạt động du lịch cộng đồng; (3) Các hoạt động trình diễn bản sắc của tộc người để thu hút khách du lịch như: biểu diễn văn nghệ, ẩm thực... Mặc dù, nghiên cứu chủ yếu tập trung vào những khía cạnh chung của biến đổi văn hóa địa phương, chưa đi sâu tìm hiểu về biến đổi văn hóa sinh kế, nhưng có thể tham khảo, làm rõ thêm những vấn

đề về phát triển du lịch cộng đồng và phát triển bền vững văn hóa sinh kế ở trong khu vực Quần thể danh thắng Tràng An.

Trong bài viết “Du lịch dựa vào cộng đồng và vấn đề bảo tồn văn hóa địa phương”, tác giả Trang (2013) đã tìm hiểu, phân tích vai trò của du lịch dựa vào cộng đồng trong việc phát huy, bảo tồn văn hóa địa phương. Nghiên cứu đã cho thấy sự tham gia của cá nhân trong cộng đồng vào việc cung cấp các dịch vụ du lịch sẽ vừa đảm bảo duy trì quyền sở hữu của người dân vừa giải quyết được vấn đề bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và những giá trị văn hóa của cư dân địa phương. Du lịch được ví như “sợi dây vô hình” gắn kết giữa lợi ích của cá nhân với cộng đồng thông qua việc làm, thu nhập... từ đó, sẽ giúp cho mỗi cá nhân trong cộng đồng nâng cao ý thức bảo tồn giá trị văn hóa địa phương. Nghiên cứu cũng chỉ ra những thách thức trong công việc bảo tồn văn hóa như: vấn đề lợi ích của cộng đồng, tính thương mại hóa văn hóa trong du lịch đã làm giảm đi giá trị văn hóa truyền thống, mai một sự niềm nở, hiếu khách của người dân... Tuy nhiên, những khía cạnh về giá trị văn hóa sinh kế, sự tác động của phát triển du lịch tới sự biến đổi các giá trị của văn hóa sinh kế chưa được tác giả đề cập tới trong nghiên cứu. Nghiên cứu về tác động của du lịch tới thay đổi sinh kế của cộng đồng trong các khu di sản thế giới, công trình nghiên cứu “Tourism - Induced Livelihood changes at Mount Sanqingsha - World Heritage Site, China” (Thay đổi sinh kế do tác nhân du lịch ở khu di sản thế giới núi Sanqinshan của Trung Quốc) do Su và nnk. (2016) thực hiện năm 2016, đã cho thấy du lịch góp phần nâng cao đời sống, phúc lợi xã hội cho người dân địa phương, nhưng nó cũng là tác nhân phá vỡ các hệ thống sinh kế, các mối quan hệ xã hội và các truyền thống văn hóa. Phát triển du lịch mang lại cả những thay đổi tích cực và tiêu cực đến sinh kế và cộng đồng địa phương. Áp dụng khung sinh kế bền vững của Cơ quan Phát triển Quốc tế Anh (DFID), các tác giả đã nghiên cứu, phân tích sự thay đổi các nguồn lực sinh kế, như: việc thu hồi đất cho các dự án phát triển du lịch và việc hạn chế tiếp cận, khai thác các sản vật tự nhiên từ rừng để bảo tồn, người dân phải chuyển từ làm nông nghiệp, khai thác lâm sản sang làm

các nghề dịch vụ (hướng dẫn viên, bán hàng, kinh doanh nhà hàng, kinh doanh nhà nghỉ...). Nghiên cứu đã xem xét mối quan hệ giữa phát triển du lịch với đảm bảo sinh kế, vai trò và tác động của phát triển du lịch với chiến lược sinh kế của cộng đồng địa phương. Từ đó, đưa ra các khuyến nghị, giải pháp đảm bảo phát triển du lịch bền vững trong khu di sản và đảm bảo lợi ích về sinh kế của người dân trong khu di sản Sanqingshan. Từ góc độ du lịch, vấn đề mối quan hệ giữa sinh kế nông thôn và du lịch di sản ở khu di sản Sanqingshan đã được tác giả phân tích làm rõ, đồng thời, chỉ ra những vấn đề về thu hồi đất, sinh kế truyền thống bị mai một, sự gắn kết xã hội, suy giảm văn hóa, tính dễ bị tổn thương, v.v.. Đây chính là những vấn đề đã, đang diễn ra với cư dân tại Quần thể danh thắng Tràng An. Công trình nghiên cứu gần đây của Yên (2017) về biến đổi văn hóa mưu sinh của cư dân xã Hương Sơn trong bối cảnh phát triển du lịch đưa ra quan niệm về biến đổi văn hóa mưu sinh trong bối cảnh phát triển du lịch. Theo đó, biến đổi văn hóa mưu sinh được xem xét, phân tích dưới 3 biểu hiện chính: (1) Biến đổi hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần trong cách ứng xử với các nguồn lực mưu sinh; (2) Biến đổi ứng xử trong quá trình mưu sinh; (3) Biến đổi trong các nghi lễ gắn với mưu sinh của chủ thể. Xem xét vấn đề biến đổi văn hóa mưu sinh trong bối cảnh phát triển du lịch, tác giả đã đi sâu phân tích, đánh giá những biến đổi tích cực, tiêu cực, cơ hội và thách thức cùng với các yếu tố tác động, xu hướng biến đổi, từ đó, đưa các luận về chiến lược phát huy giá trị văn hóa mưu sinh. Đây là đề tài nghiên cứu biến đổi văn hóa mưu sinh dưới lăng kính văn hóa học được thực hiện khá công phu, với nhiều nhìn nhận, đánh giá khá khách quan và hệ thống về vấn đề biến đổi văn hóa mưu sinh trong bối cảnh phát triển du lịch. Tuy nhiên, nghiên cứu này mới dừng lại ở việc phân tích, đánh giá sự biến đổi văn hóa mưu sinh qua các biểu hiện về ứng xử với các nguồn lực, văn hóa trong các hoạt động mưu sinh và trong các nghi lễ mưu sinh, chưa xem xét đến các đặc điểm, thành tố hay các giá trị của văn hóa sinh kế. Đối với các khu vực nông thôn có điều kiện và đặc điểm tương đồng với địa bàn nghiên cứu tại Khu Di sản Quần thể

danh thắng Tràng An thì sẽ rất khó để nhận diện trong biến đổi sinh kế dưới sự tác động của du lịch hay đô thị hóa, toàn cầu hóa, bởi vì trong chính sách phát triển, quy hoạch đô thị của tỉnh Ninh Bình đã chủ trương xây dựng các khu vực nông thôn này thành các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mới gắn với các mô hình phát triển du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm nông nghiệp, du lịch di sản..., đồng thời, sự thay đổi về mọi mặt chính trị - kinh tế - xã hội gần như là tất yếu của sự phát triển. Hơn nữa, nghiên cứu phát triển du lịch đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình xây dựng nông thôn mới, đô thị hóa các vùng nông thôn hiện nay một cách bền vững. Chính vì thế, đặt trong bối cảnh phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế, biến đổi văn hóa là một vấn đề được quan tâm nghiên cứu. Các xu hướng nghiên cứu rất đa dạng và phong phú, liên quan đến nhiều cấp độ, nhiều lĩnh vực, với nhiều cách tiếp cận khác nhau, tuy nhiên, tựu chung lại, vấn đề nghiên cứu này đều chỉ ra những quá trình, nguyên nhân, bối cảnh biến đổi, những nhân tố tác động tới sự biến đổi và sự biến đổi trong từng lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội, trong đó, phát triển du lịch là một trong những yếu tố tác động trực tiếp đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội của người dân, từ việc làm thay đổi các nguồn lực sinh kế, phương thức sinh kế đến các giá trị định hướng, chuẩn mực và hành vi sinh kế.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Phỏng vấn sâu cá nhân: Phương pháp này được sử dụng nhằm khai thác thông tin từ các chuyên gia địa phương, người kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực du lịch: cán bộ chuyên trách phát triển du lịch xã, huyện, tỉnh...

Phỏng vấn nhóm: Thành phần của nhóm gồm những người am hiểu sự việc: cán bộ thôn, xã, nhân viên làm việc tại khu du lịch sinh thái, người dân địa phương... Xã Ninh Xuân có 4 thôn, mỗi thôn tổ chức bốn cuộc họp nhóm độc lập, với số lượng 10 người một nhóm. Nội dung thảo luận nhóm là đánh giá tác động của phát triển du lịch ở địa phương đến kinh tế, xã hội và môi trường, từ đó, đề xuất các giải pháp khắc phục các hạn chế.

Phương pháp khảo sát thực địa: Với mục

đích tiếp cận đối với con người, phong tục tập quán cũng như điều kiện thực tế địa bàn nghiên cứu, nghiên cứu thực hiện khảo sát 5 lần cùng người dân lao động trong khu du lịch và người quản lý khu du lịch. Thông qua quan sát trực tiếp, có được những trực quan về đời sống của người dân, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng môi trường khi phát triển du lịch...

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

Vào những năm đầu của thập niên 90 thế kỷ 20, nhờ chính sách khai hoang khuyến khích các hộ dân nhận đất để phát triển kinh tế mới, những hộ gia đình nơi đây duy trì các hoạt động nông nghiệp truyền thống trồng lúa nước và các loại hoa màu như ngô, đậu... Do địa hình tại khu vực Tràng An chủ yếu là ruộng nước nên việc trồng xen kẽ các loại hoa màu cũng bị hạn chế. Hoạt động canh tác ruộng nước của cư dân trong vùng Tràng An cũng không có nhiều khác biệt so với những vùng khác nhưng đã phản ánh hoạt động sinh kế chủ đạo và phong tục tập quán trồng trọt thông qua văn hóa trồng lúa nước. Khi chưa được cơ giới hóa, họ chủ yếu dùng trâu bò làm sức kéo để cày bừa, phân bón thì dùng phân chuồng và cây xanh, chứ không sử dụng các hóa chất và phân bón hóa học như bây giờ. Với các hộ gia đình có mức sống trung bình vào thời điểm này thì trồng trọt chiếm 90% tổng thu nhập hàng năm, không có thống kê về sản lượng và năng suất lúa nhưng theo khảo sát của tác giả thì sản lượng lúa vào thời điểm này cho năng suất không cao do chất đất và bóng núi, hoạt động trồng trọt chỉ để phục vụ gia đình, mang tính tự cung tự cấp, khi dư thừa thì mới đem bán để trang trải thêm các khoản sinh hoạt khác của gia đình. Hiện nay, kinh tế nông thôn đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ lệ công nghiệp, dịch vụ; các làng nghề truyền thống như chế tác đá mỹ nghệ, thêu ren được duy trì và mở rộng, tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh giảm nghèo ở nông thôn. Toàn huyện có trên 600 doanh nghiệp và 2.540 cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và 02 cụm công nghiệp đá mỹ nghệ Ninh Vân và thêu ren Ninh Hải. Về du lịch, dịch vụ phát triển mạnh mẽ với khoảng 3.601 cơ sở kinh doanh thương

mai, dịch vụ; trên 500 nhà hàng, khách sạn đang hoạt động có hiệu quả, thu hút được đông đảo du khách trong nước và nước ngoài đến thăm quan, du lịch. Là huyện ven đô nằm trong quy hoạch phát triển đô thị Ninh Bình nên việc huy động nguồn lực từ đầu giá trị quyền sử dụng đất phục vụ xây dựng nông thôn mới có nhiều thuận lợi, khả năng thanh toán đầu tư xây dựng nông thôn mới cao hơn các huyện khác trong tỉnh. Song song với phát triển kinh tế, văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, công tác an sinh xã hội được đảm bảo, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới, việc đầu tư và nâng cấp kết cấu hạ tầng nông thôn được quan tâm, hệ thống đường giao thông các xã, thị trấn được cứng hoá; 100% xã có hệ thống lưới điện quốc gia; các bài viết về thủy lợi, đề điều được quan tâm đầu tư nâng cấp cơ bản đáp ứng được 3 yêu cầu sản xuất, dân sinh và phòng, chống lụt bão. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng được đẩy mạnh, hàng năm đã phối hợp với các cấp, các ngành tổ chức thành công Lễ hội truyền thống cổ đô Hoa Lư, để lại ấn tượng tốt đẹp cho nhân dân và du khách, góp phần quảng bá du lịch Hoa Lư, Ninh Bình.

4.2. Các giá trị lịch sử văn hoá

Quần thể xuyên thủy động Tràng An không chỉ có giá trị về sinh thái tự nhiên, giá trị cổ học, mà còn chứa đựng nhiều yếu tố văn hoá. Mỗi hang động lại gắn với một truyền thuyết, quan niệm mang đậm tính văn hoá.

Ngày 25/6/2014, Quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới. Đây là Di sản Thế giới hỗn hợp đầu tiên ở Việt Nam và Đông Nam Á. Tràng An là địa điểm nổi bật khu vực Đông Nam Á và thế giới với các bằng chứng về quá trình tương tác của người cổ xưa với cảnh quan thiên nhiên và nỗ lực thích ứng của họ với những biến cố môi trường trong hơn 30.000 năm từ 1.200 đến 33.000 năm trước. Lịch sử văn hoá liên tục và tương đối dài có mối quan hệ chặt chẽ với tiến hoá địa chất gần đây của khối karst đá vôi Tràng An. Quần thể danh thắng Tràng An là dấu gạch nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa lịch sử và cảnh quan cũng như giữa thiên nhiên và con người. Đây là kho tàng chứa đựng các đặc điểm vàng son của lịch sử và truyền thống dân tộc được cha ông ta từ ngàn đời truyền lại, nơi che

chở kinh đô đầu tiên của nước Đại Cồ Việt ở thế kỷ 10, và là Hành Cung của nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông vào thế kỷ 13. Do đó, nơi đây chứa đựng nhiều di tích lịch sử, tôn giáo nổi tiếng, thể hiện thành các giá trị thiên nhiên và văn hóa độc đáo để cùng nhau hoà quyện, thăng hoa và nâng cao giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản.

4.3. Người nông dân “làm dịch vụ”

4.3.1. Các hoạt động sinh kế mới

Bên cạnh những nghề nghiệp truyền thống (nông nghiệp, chăn nuôi, thủ công mỹ nghệ...), để phát triển du lịch cộng đồng nhằm bảo vệ, hưởng lợi từ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An, Hoa Lư, Ninh Bình, người dân nơi đây đã phát triển các hoạt động sinh kế mới nhằm thích ứng với điều kiện mới. Người dân tham gia vào nhiều nghề mới như: lễ tân, buồng, bàn, quầy bar (nhà hàng, khách sạn), bán hàng, chèo thuyền cho khách du lịch, đóng thuyền, sửa thuyền; hướng dẫn viên du lịch và dịch vụ biểu diễn nghệ thuật truyền thống.

Đối với hoạt động chèo đò, khu Di sản Tràng An hiện có khoảng 4.580 người chèo đò, trong đó, xã Trường Yên có 1.000 người, Ninh Xuân: 480 người và Ninh Hải: 3.100 người. Chèo đò cho khách du lịch ở các khu du lịch vừa đòi hỏi sức khỏe tốt, vừa đòi hỏi kỹ năng chèo thuyền qua các hang động xuyên thủy, đồng thời, cũng đòi hỏi kỹ năng cứu hộ, cứu nạn trên sông nước, và đặc biệt là khả năng giao tiếp, giới thiệu cho khách du lịch về khu di sản và lịch sử văn hóa của vùng đất cổ đô Hoa Lư. Với phương châm mỗi một người chèo đò vừa là người hướng dẫn du lịch, vừa là đại sứ du lịch, đồng thời, bảo vệ khu di sản, nên thời gian qua, Sở Du lịch Ninh Bình, Ban Quản lý Quần thể danh thắng Tràng An đã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng kiến thức, tập huấn cho người chèo thuyền nhằm nâng cao nhận thức, văn hóa, kỹ năng giao tiếp và cấp chứng chỉ cho người chèo đò. Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, các ban, ngành địa phương cũng lồng ghép vào các chương trình hội nghị, tập huấn nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về văn hóa, văn minh du lịch và kiến thức, nghiệp vụ về du lịch. Thu nhập bình quân của người chèo đò từ 3,5 triệu - 5 triệu đồng/tháng, vào mùa lễ hội có thể lên tới trên 10 triệu đồng/tháng.

Bên cạnh đó, hướng dẫn du lịch là một nghề mới được nhiều bạn trẻ tại Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới Tràng An lựa chọn. Hiện trong khu di sản có khoảng 70 người, có trình độ từ trung cấp và cao đẳng, được Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp thẻ hướng dẫn viên tại điểm. Nghề hướng dẫn viên đòi hỏi phải có nền tảng kiến thức tốt về văn hóa, lịch sử và con người của vùng đất cổ đô Hoa Lư, những giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản Tràng An và thông thạo ít nhất một ngoại ngữ, tuy nhiên, nhiều hướng dẫn viên ở Tràng An không được đào tạo chuyên sâu về du lịch, chủ yếu từ các ngành khác chuyển sang, hạn chế về nghiệp vụ hướng dẫn và đặc biệt là khả năng ngoại ngữ, chỉ có khoảng 10 hướng dẫn viên có thể hướng dẫn bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung, tiếng Pháp.

Người dân còn tham gia kinh doanh dịch vụ lưu trú và nhà hàng - ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đòi hỏi sự chuyên nghiệp, nhanh nhẹn, linh hoạt và có khả năng tiếp thị, bán hàng... Một số hộ bắt đầu kinh doanh lưu trú và nhà hàng từ năm 2000, khoảng 12 cơ sở, với sự tăng trưởng khách du lịch trung bình 12%/năm và sự gia tăng nhu cầu lưu trú ở nhà dân (homestay), đến nay, đã có 236 cơ sở, trong đó, có 160 khách sạn, nhà nghỉ.

Kinh doanh dịch vụ đồ lưu niệm, đồ uống cũng khá phát triển, đáp ứng nhu cầu mua sắm và ăn uống của khách du lịch. Hiện có 57 cơ sở kinh doanh bán hàng lưu niệm, đồ uống và cho thuê xe đạp, xe máy. Hoạt động kinh doanh này cũng không đòi hỏi vốn lớn, chỉ cần có mặt bằng tốt, nhiều hộ dân đã giàu lên nhờ ngành nghề kinh doanh mới này.

Nghề bảo vệ cũng thu hút người dân tham gia nhằm phát triển du lịch cộng đồng của Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới Tràng An. Lúc mới phát triển du lịch, các doanh nghiệp du lịch, cơ sở lưu trú, nhà hàng thuê một số người dân địa phương làm công việc bảo vệ và giữ gìn an ninh trật tự trong khu, điểm du lịch và các cơ sở lưu trú. Chỉ tính riêng những người làm bảo vệ tại 06 khu du lịch chính hiện có khoảng 220 người, thu nhập bình quân từ 4-6 triệu đồng/tháng. Theo quy định, tất cả người làm bảo vệ đều phải tham gia các lớp tập huấn về nghiệp vụ

bảo vệ và bảo vệ di sản. Hiện nay, ngoài nhiệm vụ giữ gìn trật tự, an toàn trong khu du lịch, người làm bảo vệ còn có nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ di sản, giữ gìn cảnh quan môi trường trong khu du lịch.

Người dân còn tham gia vào hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống: hát chầu văn, hát chèo... Trong khu Di sản Quần thể danh thắng Tràng An, có khoảng 5 nhóm nhạc, mỗi nhóm hơn 5-7 người đi hát phục vụ khách du lịch tại các nhà hàng, cơ sở lưu trú, homestays, chi phí cho một buổi biểu diễn có giá từ 700 nghìn đồng đến 3,5 triệu đồng/buổi. Hoạt động này đã góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc cũng như tạo công ăn việc làm và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ của du lịch Ninh Bình.

Nhìn chung, sự thay đổi các hoạt động sinh kế truyền thống của cư dân ở khu vực Di sản Tràng An theo hai xu hướng chính: (1) Xu hướng biến đổi hoàn toàn: tập trung vào những nhóm dân cư bị thu hồi hết đất sản xuất, buộc phải chuyển đổi sang nghề khác, hoặc những hộ dân ở tại hoặc ở gần trung tâm khu du lịch, chuyển hoàn toàn sang buôn bán, kinh doanh; (2) Xu hướng biến đổi một phần hoặc kết hợp, chủ yếu là dân cư tham gia chèo đò, bảo vệ, dọn vệ sinh môi trường. Họ vừa kết hợp đi chèo đò cho khách khi đến lượt, vừa kết hợp chăn nuôi, trồng cây hoặc nhóm dân cư làm nghề thủ công truyền thống (thêu ren, đan lát...) vẫn tham gia phụ giúp chèo đò cho khách khi đến số đò của gia đình.

4.3.2. Thực trạng biến đổi các giá trị của văn hóa sinh kế

Quá trình phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng tại Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới Tràng An đã làm thay đổi các nguồn lực sinh kế (tự nhiên, văn hóa xã hội, vật chất và con người). Nhiều hộ gia đình đã bị dồn đến “ngưỡng cận sinh tồn”, không còn đất canh tác, không gian sản xuất truyền thống không còn nữa, đứng trước sự lựa chọn chấp nhận đi làm thuê hay tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới như: vay vốn mở nhà hàng, nhà nghỉ hay cửa hàng lưu niệm... Nhiều cá nhân đã chấp nhận rủi ro, thua lỗ, đã vay vốn từ ngân hàng, họ hàng để đầu tư xây dựng nhà nghỉ, nhà hàng và hoặc

chuyển từ mô hình trang trại sang đầu tư khu du lịch sinh thái, hầu hết họ đã rất thành công khi chớp được cơ hội đầu tư vào lĩnh vực du lịch trong lúc tình có nhiều chính sách hỗ trợ cho người dân địa phương mà chưa có sự cạnh tranh từ bên ngoài. Quá trình phát triển du lịch cũng làm thay đổi quan niệm của người dân về nghề nghiệp, trước đây, cho rằng “Nhất sĩ, nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ” hay coi những người buôn bán toàn là phường buôn gian, bán lận, “thật thà cũng thể lái trâu”, không coi trọng những người làm nghề buôn bán, kinh doanh, nhưng nay, người dân coi những người biết làm ăn, buôn bán là những người giỏi giang, làm giàu cho gia đình và quê hương, được gọi là “doanh nhân”.

Biến đổi giá trị văn hóa của người dân trong phát triển du lịch cộng đồng mang tính chuẩn mực sinh kế. Trước đây, người dân xây dựng nhà ở không phải xin phép, có thể xây cao thấp tùy ý, tuy nhiên, hiện nay, việc xây dựng trong khu di sản phải tuân thủ theo quy hoạch, phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép xây dựng, chỉ được phép xây dựng trên đất thổ cư, chiều cao không quá 3 tầng (không quá 12m), kiến trúc mái dốc, ở một số khu vực giáp núi, chiều cao giới hạn 2 tầng. Kinh doanh cơ sở lưu trú là ngành nghề có điều kiện theo Điều 49 của Luật Du lịch 2017 (giấy đăng ký kinh doanh; giấy phép đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy) và đảm bảo các tiêu chuẩn tối thiểu về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Ngoài ra, khi kinh doanh nhà hàng, phải có giấy phép an toàn thực phẩm, phải tuân thủ các tiêu chuẩn về vệ sinh thực phẩm, an toàn thực phẩm, nguồn gốc...

Trước đây, làm nông nghiệp, nghề thủ công, người dân chủ yếu làm theo tập quán, hương ước của làng, của hội và kinh nghiệm được truyền lại. Nhưng hiện nay, người làm du lịch phải có trình độ, kỹ năng và nghiệp vụ nhất định, mỗi công việc đòi hỏi chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng khác nhau, kể cả khả năng ngoại ngữ.

Với nghề chèo đò, tại khu du lịch sinh thái Tràng An, để được làm nghề chèo đò, người dân phải tham gia lớp tập huấn về văn hóa du lịch, về an toàn đường thủy và các quy định của khu du lịch, quy tắc ứng xử văn minh trong hoạt động

du lịch, sau đó, phải tham gia thi sát hạch kỹ thuật chèo thuyền chở khách qua các hang động. Bên cạnh đó, người chèo còn phải có những hiểu biết về văn hóa, lịch sử của địa phương, của di sản để giới thiệu cho khách du lịch. Ngoài ra, người chèo đò còn phải biết ngoại ngữ ở mức độ giao tiếp cơ bản để nói chuyện và đưa khách đi tham quan.

Với nghề nông nghiệp, thủ công nghiệp hiện nay cũng đòi hỏi phải có trình độ, biết áp dụng kỹ thuật để nâng cao năng suất, sử dụng cây, con giống phù hợp với thổ nhưỡng và điều kiện tự nhiên để đưa ra thị trường sản phẩm tốt, chất lượng và “độc”, đặc sản của địa phương như: dê núi, cá trầu tiến vua, cá rô tổng trường.

Với nghề hướng dẫn và các nghề dịch vụ du lịch (lễ tân, buồng, bàn...), nghề đòi hỏi tiêu chuẩn khá cao, cả về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, hướng dẫn khách du lịch, và trình độ ngoại ngữ, phong kiến thức văn hóa của dân tộc và các nước trên thế giới.

4.3.3. Biến đổi giá trị văn hóa trong các hành vi sinh kế

Tràng An nằm ở khu vực có địa hình đa dạng, trên sơn khối Hoa Lư, có nhiều hang động, sông suối, nên việc đi lại trước đây của cư dân trong vùng chủ yếu bằng đường thủy. Chính vì vậy, các thế hệ cư trú tại vùng đất Tràng An đã phải bỏ rất nhiều công sức để có thể trụ lại trên mảnh đất này. Nói cách khác, để phát triển du lịch cộng đồng nhằm bảo vệ, hưởng lợi từ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An, Hoa Lư, Ninh Bình, bên cạnh những biến đổi giá trị văn hóa của người dân mang tính chuẩn mực sinh kế, còn có những biến đổi giá trị văn hóa trong các hành vi sinh kế.

Một là, sự thay đổi hành vi, phương thức sinh kế của người dân. Trước đây, với cư dân nông nghiệp, tập quán cố kết cộng đồng, hỗ trợ nhau trong lao động sản xuất, ứng phó với thiên tai là truyền thống tốt đẹp của cư dân ở Quần thể danh thắng Tràng An. Nhờ có sự phát triển của kinh tế du lịch, người dân đã hình thành nên liên kết chuỗi giá trị trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong nông nghiệp, người nông dân đã biết liên kết với nhà khoa học để áp dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và con nuôi; liên kết với doanh nghiệp

để có đầu ra cho sản phẩm và hàng hóa. Trong hoạt động dịch vụ du lịch, đã hình thành các hiệp hội du lịch, chi hội khách sạn, chi hội nhà hàng, liên kết với doanh nghiệp lữ hành, công ty du lịch và các sản phẩm du lịch. Với sự phát triển của cuộc Cách mạng khoa học công nghệ lần thứ 4, nhiều hộ dân đã mua sắm máy tính, kết nối Internet, phương thức kinh doanh, quảng cáo và bán hàng online cũng được nhiều hộ dân áp dụng có hiệu quả. Tuy nhiên, khả năng sử dụng công nghệ và mạng xã hội còn kém, hạn chế về ngôn ngữ, nên việc kinh doanh và bán hàng hoàn toàn phụ thuộc vào bên thứ ba cung cấp và bán dịch vụ.

Hai là, sự thay đổi phương thức sử dụng không gian sinh tồn, không gian sản xuất. Với sự phát triển mạnh mẽ của du lịch trong những năm qua, đã có hơn 1.000 ha đất lâm nghiệp, nông nghiệp và đất ở đã bị thu hồi làm dự án du lịch và cơ sở hạ tầng. Không gian sản xuất và cư trú của người dân ngày càng bị thu hẹp, trước đây, bình quân mỗi gia đình có 720 m² - 1.080 m² đất nông nghiệp, đất ở từ 200-300 m², đến nay, giảm xuống 360-720 m² đất nông nghiệp và khoảng 150-200 m² đất ở. Bên cạnh đó, nhu cầu lưu trú của khách du lịch ở các khu dân cư trong vùng lõi di sản, nhiều hộ đã bán đất ở, đất ao vườn làm homestay và nhà nghỉ, nhà hàng, biến một số khu vực thôn xóm thành “phố tây” như: thôn Văn Lâm, Đam Khê Trong của xã Ninh Hải, thôn Tràng An của xã Trường Yên. Các không gian sản xuất trước đây của người dân trở thành những khu, điểm du lịch nổi tiếng như khu du lịch sinh thái Tràng An, Tam Cốc, Thung Nắng, Thung Nham, hang Chùa, động Thiên Hà.

Ba là, sự thay đổi trong phương thức tổ chức các nghi lễ dân gian gắn với hoạt động sinh kế của cư dân. Trước đây, việc tổ chức lễ hội dân gian là do dân làng và chính quyền địa phương tự chuẩn bị và tổ chức. Hiện nay, đa số các lễ hội, đặc biệt là lễ hội cấp Quốc gia đều do tỉnh, huyện hoặc doanh nghiệp chủ trì tổ chức. Việc tổ chức lễ hội cũng có nhiều thay đổi, thiên về sân khấu hóa, chủ yếu tập trung vào lễ khai mạc, thiếu các hoạt động sinh hoạt văn hóa, hội hè, chơi các trò chơi dân gian của cộng đồng địa phương. Cư dân địa phương dường như bị

tách khỏi lễ hội, nhiều người dân thờ ơ, coi việc tổ chức lễ hội mặc nhiên là của chính quyền và doanh nghiệp. Bên cạnh những giá trị tốt đẹp trong hoạt động sinh kế, nghề nghiệp, vẫn còn xảy ra nhiều hành vi không phù hợp, làm ảnh hưởng xấu tới hình ảnh, truyền thống văn hóa tốt đẹp của người dân địa phương trong khu di sản. Theo phản ánh của các công ty lữ hành và các trang tư vấn du lịch online, hiện tượng chèo kéo, xin tiền bo của khách du lịch xảy ra ở khu Tam Cốc - Bích Động còn khá phổ biến. Hoặc hiện tượng người chèo đò hợp tác với người bán hàng rong trên thuyền mời khách mua nước uống tặng cho lái đò với giá cao, sau đó, người bán chia lại số tiền thu được cho người lái đò. Một số hộ kinh doanh hàng ăn, sử dụng thực phẩm không rõ nguồn gốc, có hiện tượng “treo đầu dê bán thịt chó”, sử dụng thịt cừu làm giả thịt dê, hoặc dùng nấm lợn Trung Quốc làm giả nấm dê để bán cho khách. Ngoài ra, để thu hút khách du lịch, một số cơ sở kinh doanh ăn uống, nhà hàng áp dụng chính sách chiết khấu, chi tiền hoa hồng cho hướng dẫn, lái xe, khoảng 10-15%, sau đó, sử dụng thực phẩm kém chất lượng để thu lợi. Những hành vi đó đã làm mất niềm tin của khách du lịch, ảnh hưởng xấu tới uy tín, thương hiệu du lịch của khu di sản.

5. Thảo luận

Sự phát triển du lịch cộng đồng ở Quần thể danh thắng Tràng An đã tác động tới sự thay đổi sinh kế, các giá trị của văn hóa sinh kế theo hướng tích cực, đóng góp vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, cùng với đó, các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy, các tri thức, khoa học công nghệ, kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp, phương thức kinh doanh, làm ăn mới được người dân tiếp thu và bổ sung làm giàu thêm các giá trị di sản văn hóa của cộng đồng cư dân địa phương. Bên cạnh đó, du lịch cũng có những tác động tiêu cực tới sinh kế, việc làm và văn hóa truyền thống của cư dân địa phương, như sự suy giảm các giá trị văn hóa, đạo đức lối sống, chuẩn mực nghề nghiệp, sinh kế. Nhiều hộ gia đình bị thu hồi hết đất sản xuất, được bồi thường một khoản tiền lớn, nhưng khả năng thích nghi kém, chưa chuẩn bị tốt về tri

thức nghề nghiệp và không biết sử dụng số tiền được đền bù và tiền hỗ trợ đào tạo nghề, nên mất phương hướng, lúng túng trong hoạt động sinh kế mới. Sự biến đổi văn hóa sinh kế của cộng đồng dân cư địa phương do nhiều yếu tố tác động khác nhau, mức độ tác động cũng tùy thuộc vào bối cảnh, cơ chế chính sách, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hóa... Thông qua nghiên cứu sự biến đổi văn hóa sinh kế của cư dân tại Quần thể danh thắng Tràng An, tác giả nhận thấy có hai nhóm nhân tố chủ yếu. Nhóm nhân tố gián tiếp từ bên ngoài gồm: sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã tạo ra điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ khách du lịch; cuộc cách mạng khoa học công nghệ; và quá trình giao lưu hợp tác quốc tế. Nhóm nhân tố trực tiếp từ bên trong gồm: cơ chế chính sách của tỉnh là nhân tố tác động trực tiếp đến sự thay đổi các nguồn lực và phương thức sinh kế.

6. Kết luận

Tác động của Quần thể danh thắng Tràng An đối với sinh kế của người dân địa phương đã biểu hiện qua nhiều thay đổi rõ rệt. Các nguồn vốn sinh kế của hộ gia đình có sự chuyển biến đáng kể; cách thức hoạt động mưu sinh cũng đang tích cực cải thiện, với sự xuất hiện của nhiều mô hình sinh kế mới. Trong khi các sinh kế dựa vào nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, thì thu nhập từ hoạt động thương mại và dịch vụ lại tăng lên, chủ yếu tập trung vào kinh

doanh nhỏ và dịch vụ du lịch. Sự vận hành của khu du lịch trực tiếp và gián tiếp tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho lao động địa phương, góp phần đa dạng hóa nguồn thu nhập, nâng cao ý thức học tập và phát triển kỹ năng của người dân. Những thay đổi này đã thúc đẩy mục tiêu giảm nghèo và cải thiện cả chất lượng đời sống vật chất lẫn tinh thần của cư dân trong vùng. Tuy vậy, vẫn còn nhiều thách thức đang đặt ra. Diện tích đất sử dụng của các hộ dân, đặc biệt là đất nông nghiệp, ngày càng bị thu hẹp. Chất lượng tay nghề lao động, bao gồm cả chủ hộ và các lao động khác, còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc sử dụng tiền bồi thường đất của người dân phần lớn chưa thể mang đến một nền tảng sinh kế bền vững, nhất là trong bối cảnh nguồn lực đất đai sản xuất dần khan hiếm. Bên cạnh đó, hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp và việc làm từ các tổ chức vẫn còn hạn chế, trong khi một số tệ nạn xã hội xuất hiện làm suy giảm chất lượng cuộc sống địa phương. Để hướng đến sự phát triển bền vững, chính quyền các xã, phường trong khu vực Quần thể danh thắng Tràng An cần chú trọng vào việc nghiên cứu và triển khai các giải pháp hiệu quả. Điều này bao gồm việc đẩy mạnh truyền thông và giáo dục cho người dân, nâng cao trình độ lao động cũng như xây dựng những hỗ trợ cụ thể phù hợp cho từng nhóm hộ. Mục tiêu cuối cùng là cải thiện sinh kế cho người dân địa phương một cách lâu dài và bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Lê Tuấn Anh, Nguyễn Thị Hồng Tâm (2013). Nhận thức của giới trẻ về tiếp biến văn hóa trong bối cảnh phát triển du lịch quốc tế hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP.HCM*.
- Su, M. M., Wall, G. & Xu, K. (2016). Tourism-induced livelihood changes at mount Sanqingshan world heritage site, China. *Environmental management*, 57, 1024-1040.
- Đặng Thị Diệu Trang, Phạm Quỳnh Phương, Nguyễn Tuệ Chi, Nguyễn Thị Yên (2019). *Du lịch dựa vào cộng đồng và sự biến đổi văn hóa địa phương*. Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- Đặng Thị Diệu Trang (2013). Du lịch dựa vào cộng đồng và vấn đề bảo tồn văn hóa địa phương. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*.
- Bùi Thanh Thùy (2012). *Văn hóa các tộc người thiểu số tỉnh Hòa Bình với việc phát triển du lịch văn hóa*. Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, Hà Nội.
- Đỗ Hải Yến (2017). *Biến đổi văn hóa mưu sinh của cư dân xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội trong bối cảnh phát triển du lịch*. Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa, Hà Nội.